

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá của Hợp tác xã Dịch vụ vận tải xây dựng mộc dân dụng Quang Huy

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 13010/UBND-CN ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh của Hợp tác xã Dịch vụ vận tải Xây dựng Mộc dân dụng Quang Huy;

Xét Văn bản số 476/STNMT-BVMT ngày 15/01/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá của Hợp tác xã Dịch vụ vận tải Xây dựng Mộc dân dụng Quang Huy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 414/Tr-STNMT ngày 20/3/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (sau đây gọi là Dự án) của Hợp tác xã Dịch vụ vận tải Xây dựng

Mộc dân dụng Quang Huy (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Hợp tác xã Dịch vụ vận tải xây dựng mộc dân dụng Quang Huy và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Xuân Khang (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa của HTX Dịch vụ vận tải xây dựng mộc dân dụng Quang Huy**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.
- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: HTX Dịch vụ vận tải Xây dựng Mộc dân dụng Quang Huy.
- + Người đại diện: Ông Vũ Quang Huy - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Xã Xuân Khang, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.
- Vị trí địa lý:
- + Khu vực khai thác và khai trường:

Khu vực	Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 <sup>0</sup> .00', múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
		X(m)	Y(m)
Khu vực khai thác S = 15.000 m <sup>2</sup>	1	2173 586.4	557 125.5
	2	2173 566.0	557 229.0
	3	2173 514.7	557 361.8
	4	217 3567.5	557 383.7
	5	2173 655.0	557 170.6
Khu vực khai trường S = 5.000 m <sup>2</sup>	4	217 3567.5	557 383.7
	5	2173 655.0	557 170.6
	6	2173 673.8	557 183.0
	7	2173 587.2	557 391.9
<b>Tổng diện tích S = 20.000 m<sup>2</sup></b>			

+ Khu vực đất thuê thêm: Tổng diện tích 11.500 m<sup>2</sup> tại xã Xuân Khang, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (đã được UBND tỉnh Thanh Hóa cho thuê đất tại Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 27/11/2015; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CD012239 ngày 28/2/2016).

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Phạm vi, quy mô:

+ Khu vực mỏ khai thác có tổng diện tích: 20.000 m<sup>2</sup>, bao gồm: diện tích khu vực khai thác: 15.000 m<sup>2</sup>; diện tích khu vực khai trường: 5.000 m<sup>2</sup>.

+ Khu vực đất thuê thêm có tổng diện tích 11.500 m<sup>2</sup>: Xây dựng bãi tập kết máy móc, thiết bị, bãi thải, trạm nghiền sàng và các công trình phụ trợ khác.

- Công suất: 40.000 m<sup>3</sup>/năm.

- Thời gian khai thác: 04 năm 04 tháng (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ).

### **1.3. Công nghệ khai thác**

- Mỏ khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác khấu theo lớp đứng cắt tầng, công tác xúc bốc vận tải thực hiện tại chân tuyến vận chuyển bằng ô tô đến khu vực chế biến.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc tầng phủ → khoan nổ mìn → xúc bốc → Nghiền sàng → vận chuyển đi tiêu thụ.

### **1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

#### **1.4.1. Các hạng mục công trình chính**

##### **a. Các hạng mục công trình hiện hữu:**

- Bãi chứa thành phẩm có diện tích 2.000m<sup>2</sup> (kích thước dài 50m, rộng 40m).

- Mương thoát nước chiều dài 245m (kích thước rộng 0,8m, sâu 0,6m).

- Các hạng mục công trình khác phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản được xây dựng trên phần đất thuê thêm: Trạm nghiền sàng (công suất 250 tấn/giờ), kho chứa vật liệu nổ công nghiệp (diện tích 20m<sup>2</sup>), bãi thải (diện tích 1.000 m<sup>2</sup>), bãi tập kết vật liệu (diện tích 2.000 m<sup>2</sup>); khu nhà điều hành (diện tích 153,0 m<sup>2</sup>); nhà nghỉ ca công nhân (diện tích 36,0 m<sup>2</sup>); nhà kho, trạm cân, nhà bảo vệ và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

##### **b. Các công trình xây dựng mới.**

- Thi công làm đường công nhân lên núi gồm 02 tuyến:

+ Tuyến 1: Lên đỉnh phía Đông Nam khu mỏ (điểm góc số 3).

+ Tuyến 2: Phía Tây Nam khu mỏ (điểm góc số 1).

- Hồ lắng dung tích 150 m<sup>3</sup> (kích thước dài 15m, rộng 5m, sâu 2,0m).

#### **1.4.2. Các hoạt động của Dự án**

- Hoạt động khai thác đá vôi làm VLXD thông thường gồm: Khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận chuyển đá về trạm nghiền sàng (trạm nghiền sàng nằm trong phần diện tích đất thuê thêm, ngoài phạm vi Dự án).

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại mỏ.

- Hoạt động sửa chữa máy móc trang thiết bị tại mỏ.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn vận hành Dự án như sau:

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng khu vực khai thác, khu vực bãi thải.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận tải.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác, chế biến
- Bụi khí thải phát sinh từ hoạt động trạm nghiền sàng, bốc xúc, vận chuyển,...
- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án.
- Quá trình nổ mìn, khai thác, vận chuyển đá nguyên khối, đá thải phát sinh tiếng ồn, độ rung gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động.
- Quá trình phát quang thảm thực vật, khai thác làm mất lớp phủ thực vật, ảnh hưởng đến hệ sinh thái khu vực khai thác.
- Các rủi ro, sự cố do cháy nổ, trượt lở bờ mỏ, trượt lở bãi thải, tai nạn lao động.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn vận hành dự án)**

#### **3.1. Nước thải**

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khoảng 2,1m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: TSS, BOD<sub>5</sub>, COD và tổng Nitơ (N), tổng Photpho (P), coliform,...
- Nước thải rửa lốp bánh xe phát sinh khoảng 2,0 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: đất, đá, TSS,...
- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ và phần đất thuê thêm ngày mưa lớn nhất khoảng 6.258 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: đất, đá, TSS,...

#### **3.2. Bụi, khí thải**

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan phá đá, từ hoạt động bốc xúc, từ hoạt động vận chuyển đất đá về khu vực về khu vực chế biến và hoạt động chế biến đá, bốc xúc tại trạm nghiền sàng. Thành phần chủ yếu: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO,...

#### **3.3. Chất thải rắn thông thường**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 16,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, vỏ chai, thủy tinh, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...
- Đất đá thải từ quá trình khai thác khoảng 590,0 m<sup>3</sup>/năm (năm 2024) và khoảng 300 m<sup>3</sup>/năm đối với các năm tiếp theo.
- Ngoài ra, còn có lượng bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng.

#### **3.4. Chất thải nguy hại (CTNH)**

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa... khối lượng khoảng 10,0 kg/tháng phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc.
- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy khoảng 117,9 lít/năm.

#### **3.5. Tiếng ồn, độ rung**

Phát sinh từ hoạt động nổ mìn, từ hoạt động nghiền sàng, vận chuyển, bốc xúc từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

#### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

##### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải**

- Nước thải sinh hoạt tại khu vực khai trường được thu gom, xử lý bằng 01 nhà vệ sinh di động (dung tích bồn nước là 400 lít, bồn phân là 1.200 lít); hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý với tần suất 03 ngày/lần.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực văn phòng:

+ Nước thải vệ sinh: Được thu gom và xử lý tại bể tự hoại cải tiến (dung tích 04 m<sup>3</sup>) trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa chân tay: được thu gom, xử lý sơ bộ qua song chắn rác, giỏ tách rác sau đó dẫn về hồ lắng (dung tích 02m<sup>3</sup>) trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Nước rửa lốp bánh xe được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước dẫn về hồ lắng tại khai trường để thu gom và xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Nước trên các tầng khai thác → Mương thoát nước (kích thước dài 245m x rộng 0,8 m x sâu 0,6m) → Hồ lắng thể tích 150m<sup>3</sup> (tự chảy) → Hệ thống mương thoát nước của khu vực.

##### **4.2. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải**

- Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai và thuốc nổ theo hồ sơ thiết kế cơ sở đã được duyệt để giảm thiểu phát tán bụi và khí thải.

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật khi tiến hành nổ mìn, không chế khoảng cách an toàn đối với người và thiết bị, máy móc.

- Tại khu vực trạm nghiền sàng, Công ty bố trí hệ thống phun nước giảm thiểu bụi tại bộ phận cửa tiếp liệu, đập hàm, băng tải và đầu rót sản phẩm, mỗi vị trí sẽ bố trí 1 béc phun.

- Bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ; các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ.

- Việc nổ mìn phải được bóc sạch tầng phủ trước khi thực hiện nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi phát tán vào không khí.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Thường xuyên phun nước tại những khu vực phát sinh bụi (khu vực khai thác; khu vực đường vận tải nội mỏ).

- Bố trí khu vực rửa lốp bánh xe gần hồ lắng tại khai trường, các xe vận chuyển được rửa lốp, bánh xe với tần suất 2 chuyến/lần.

- Bảo tồn cây xanh xung quanh khu vực khai thác, trồng cây xanh dọc tuyến đường vận tải mỏ.

##### **4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom vào 02 thùng chứa dung tích 60 lít/thùng có nắp đậy kín tại khu vực khai trường; 04 thùng (loại 20 lít; 60 lít) tại khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn, nhà nghỉ,... của công nhân. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải thông thường phát sinh trong quá trình khai thác chủ yếu là đất đá thải được tận dụng để san lấp tuyến đường nội, ngoại mỏ và một phần phối trộn cùng đá base làm vật liệu san lấp; phần còn lại được lưu chứa tại bãi thải có kích thước dài 50,0 m x 20,0 m; có tường bao bãi thải cao 0,3m, rộng 0,2m bằng đá hộc.

- Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống mương thu gom, thoát nước, hồ lắng không chứa thành phần nguy hại được tận dụng vun gốc cây dọc tuyến đường vận chuyển.

#### **4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH**

- Trang bị ít nhất 06 thùng đựng CTNH (dung tích 200 lít/thùng) đặt tại khu vực khai thác, tại kho chứa CTNH diện tích 6m<sup>2</sup>; các thùng chứa có nắp đậy, có dán nhãn mác; kho được thiết kế kiểu kho kín, gắn biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

#### **4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung, sóng chấn động và va đập không khí**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên lao động trực tiếp.

- Hạn chế sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị trên công trường thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, rung.

- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

- Áp dụng phương án nổ mìn kỹ thuật đảm bảo an toàn cho các công trình xung quanh khu vực Dự án; thực hiện nổ mìn theo đúng phương pháp và hộ chiếu nổ mìn được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Bố trí hợp lý giờ làm việc tuân thủ theo đúng quy định.

#### **4.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

- Tại khu vực khai trường khai thác: hàng năm, tiến hành gia cố bờ đá mỏ khai thác và các tầng khai thác, gia cố mái taluy xung quanh khu vực khai trường đã kết thúc khai thác, hạn chế sạt lở ra khu vực xung quanh.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu thoát nước và hồ lắng.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mức nước trong hồ lắng (trong trường hợp mưa lớn), nhằm kịp thời xử lý các tình huống tránh sự cố xảy ra.

- Thực hiện nổ mìn theo đúng hộ chiếu nổ mìn đã được phê duyệt.

- Trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp.

- Thực hiện theo phương án ứng phó sự cố khi xảy ra sạt lở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu công nhân tuân thủ nghiêm túc an toàn lao động; thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân.

#### **4.7. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

##### **4.7.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường**

- Khu vực khai thác: Cây gỡ đá treo, đá om trên các sườn tầng; cắm biển báo nguy hiểm; nạo vét rãnh thoát nước chân tầng; san gạt mặt bằng, phủ đất màu; trồng cỏ khu vực đáy moong.

- Khu vực khai trường: Tháo dỡ công trình, di dời máy móc thiết bị, san gạt mặt bằng, phủ đất màu và trồng cây keo tai tượng Úc.

- Khu vực đất thuê thêm: Tháo dỡ bãi thải, vận chuyển đổ thải, san gạt mặt bằng trồng cây keo tai tượng Úc.

- Tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ: Gia cố tuyến đường, nạo vét kênh mương.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG CÔNG VIỆC</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>
<b>A</b>	<b>Khu vực moong khai thác</b>		
1	Cây gỡ đá treo bằng thủ công	m <sup>3</sup>	45,45
2	Làm biển báo bê tông cốt thép	cái	6
3	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	6
4	San gạt mặt bằng	100m <sup>3</sup>	31,8
5	Mua đất màu	m <sup>3</sup>	1.060
6	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 15 tấn	100m <sup>3</sup>	1.06
7	Trồng cỏ gừng	ha	1,06
8	Nạo vét mương thoát nước	100m <sup>3</sup>	0,73
<b>B</b>	<b>Khu vực khai trường</b>		
1	Lấp hồ lắng, rãnh thoát nước	m <sup>3</sup>	267,6
2	San gạt mặt bằng	100m <sup>3</sup>	15
3	Mua đất màu	m <sup>3</sup>	500
4	Trồng cây keo tai tượng Úc	ha	0,5
<b>C</b>	<b>Khu vực đất thuê thêm</b>		
1	Tháo dỡ tường kè xung quanh bãi thải, móng bãi thải, tường xây đá hộc.	m <sup>3</sup>	13,0
2	Vận chuyển đổ thải	m <sup>3</sup>	13,0



3	San gạt mặt bằng bãi thải	100m <sup>3</sup>	1,0
4	Trồng cây keo tai tượng Úc	ha	0,1
<b>D</b>	<b>Khu vực xung quanh</b>		
1	Gia cố tuyến đường ngoại mô	100m <sup>3</sup>	0,73
2	Nạo vét mương thoát nước	100m <sup>3</sup>	0,32

#### 4.7.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là **247.158.778** đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm bảy tám đồng).

- Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa với số tiền là **171.087.380** đồng (Một trăm bảy mươi một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi đồng).

- **Tổng giá trị còn lại phải ký quỹ: 76.071.398** đồng (Bảy mươi sáu triệu không trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi đồng).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau: Số lần ký quỹ 04 (bốn) lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (25%): **19.017.849** đồng; thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ 03 (ba) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **18.966.516** đồng; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi trong khoảng thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá năm tiếp theo sau năm 2024. Số tiền trượt giá hàng năm sẽ được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

Khuyến khích Chủ đầu tư thực hiện giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực khai thác và khu vực trạm nghiền sàng.

- Thông số giám sát: bụi, tiếng ồn, độ rung, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, khoáng sản; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ, đặc biệt là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2019/BCT về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát rung chấn trong quá trình nổ mìn, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có rủi ro cao khác.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên thực hiện giám sát sạt lở, sụt lún, an toàn nổ mìn, khả năng tiêu thoát nước của Dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng ngừa, ứng cứu sự cố sụt lở, sự cố thiên tai, cháy nổ, tai nạn lao động, rủi ro, sự cố môi trường; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.